

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

*Hà Nội - Tháng 01 năm 2013*

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	8 - 25

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021027, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ hai ngày 19 tháng 8 năm 2008, thay đổi lần thứ ba ngày 27 tháng 07 năm 2009, thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 9 năm 2010.

Tên giao dịch tiếng Anh: EDUCATION FINANCIAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: EFL, JSC

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: EFI

Trụ sở chính của Công ty: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Bà Lã Thị Vân Anh	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó chủ tịch
	Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	Ủy viên
	Ông Nguyễn quốc Hùng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên bổ nhiệm ngày 24/3/2012
	Ông Phạm Thanh Nam	Phó Chủ tịch miễn nhiệm ngày 24/3/2012

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này:

<b>Ban Giám đốc</b>	Bà Lã Thị Vân Anh	Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	Phó Giám đốc

**CÔNG TY CON**

Tên Công ty con	: Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và khai thác Bất động sản EFI;
Vốn điều lệ	: 6.000.000.000 đồng;
Tỉ lệ kiểm soát	: 100%;
Ngành nghề	: Dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản, Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; khách sạn; tổ chức giới thiệu và súc tiến thương mại.
Trụ sở	: Số 81 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì Hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

---

**Lã Thị Vân Anh**

**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2013*

Số. /2013/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 16 tháng 01 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục, trình bày từ trang 04 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày trên, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

---

**Nguyễn Anh Tuấn**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2013*

---

**Đình Văn Thắng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1147/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>99.509.403.217</b>	<b>105.470.973.138</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>36.648.029.754</b>	<b>23.795.657.409</b>
1. Tiền	111		4.148.029.754	4.295.657.409
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.500.000.000	19.500.000.000
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>48.634.054.712</b>	<b>66.535.857.879</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		49.577.918.133	73.394.371.689
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(943.863.421)	(6.858.513.810)
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14.118.577.824</b>	<b>15.087.870.067</b>
1. Phải thu khách hàng	131		5.334.854.578	12.956.090.252
2. Trả trước cho người bán	132		50.577.539	117.682.438
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	8.881.914.302	2.014.097.377
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(148.768.595)	-
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>108.740.927</b>	<b>51.587.783</b>
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	63.740.927	10.587.783
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	45.000.000	41.000.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>59.972.987.602</b>	<b>61.361.037.800</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>265.451.912</b>	<b>386.922.743</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	247.951.912	354.422.743
- Nguyên giá	222		752.925.563	752.925.563
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(504.973.651)	(398.502.820)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	17.500.000	32.500.000
- Nguyên giá	228		60.000.000	60.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42.500.000)	(27.500.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>5.8</b>	<b>29.210.314.500</b>	<b>29.210.314.500</b>
1. Nguyên giá	241		29.210.314.500	29.210.314.500
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.9</b>	<b>30.450.000.000</b>	<b>31.744.370.212</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13.000.000.000	14.320.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		17.450.000.000	17.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(75.629.788)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>47.221.190</b>	<b>19.430.345</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	47.221.190	19.430.345
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>159.482.390.819</b>	<b>166.832.010.938</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>4.058.392.460</b>	<b>8.631.980.610</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.028.392.460</b>	<b>8.631.980.610</b>
2. Phải trả người bán	312		452.931.432	325.300
3. Người mua trả tiền trước	313		36.000.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	714.206.713	661.269.014
5. Phải trả người lao động	315		1.084.089.881	336.334.182
6. Chi phí phải trả	316		-	183.950.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	213.249.506	6.561.049.757
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.527.914.928	889.052.357
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>30.000.000</b>	<b>-</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		30.000.000	-
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>155.423.998.359</b>	<b>158.200.030.328</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>155.423.998.359</b>	<b>158.200.030.328</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.13	134.257.000.000	134.257.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.13	22.834.332.577	22.834.332.577
4. Cổ phiếu quỹ	414	5.13	(17.802.679.500)	(15.280.840.625)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.13	1.626.209.416	1.063.129.590
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.13	1.728.243.642	1.165.163.816
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	5.13	515.647.092	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.13	12.265.245.132	14.161.244.970
<b>C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>159.482.390.819</b>	<b>166.832.010.938</b>

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2013

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Bùi Văn Dũng

Lã Thị Vân Anh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	10.548.976.009	24.564.699.546
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.14	10.548.976.009	24.564.699.546
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	8.741.020.883	19.001.656.135
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>1.807.955.126</b>	<b>5.563.043.411</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	14.000.537.245	19.890.444.967
7. Chi phí tài chính	22	5.17	(3.007.730.432)	8.934.979.155
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		305.556	9.000.000
8. Chi phí bán hàng	24		-	70.374.545
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.859.216.074	2.737.750.343
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>15.957.006.729</b>	<b>13.710.384.335</b>
11. Thu nhập khác	31	5.18	-	300.000.000
12. Chi phí khác	32	5.18	568.864.639	-
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(568.864.639)</b>	<b>300.000.000</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>15.388.142.090</b>	<b>14.010.384.335</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	3.682.765.532	2.748.787.825
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>11.705.376.558</b>	<b>11.261.596.510</b>
<b>18. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số</b>	<b>61</b>		-	-
<b>19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>62</b>		<b>11.705.376.558</b>	<b>11.261.596.510</b>
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	1.089	886

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2013

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Bùi Văn Dũng

Lã Thị Vân Anh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.388.142.090	14.010.384.335
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	121.470.831	135.760.254
- Các khoản dự phòng	03	(5.794.342.162)	2.261.872.610
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.065.956.401)	(11.255.465.812)
- Chi phí lãi vay	06	305.556	9.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.350.380.086)	5.161.551.387
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	886.316.882	(8.142.507.998)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	280.000
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.152.558.929)	1.806.313.618
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(27.790.845)	34.118.808
- Tiền lãi vay đã trả	13	(305.556)	(9.000.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.517.974.791)	(4.391.843.847)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	300.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.219.930.635)	(452.767.230)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10.382.623.960)	(5.693.855.262)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(40.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	16.162.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(142.477.254.433)	(113.428.972.568)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	166.608.987.776	108.689.087.889
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.680.000.000)	(9.820.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.065.956.401	19.946.648.968
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	36.533.868.180	21.508.991.562
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(2.521.838.875)	(16.410.598.525)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	250.305.556	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(250.305.556)	(4.500.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.777.033.000)	(8.566.957.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.298.871.875)	(29.477.555.525)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	12.852.372.345	(13.662.419.225)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	23.795.657.409	37.458.076.634
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	36.648.029.754	23.795.657.409

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2013

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Bùi Văn Dũng

Lã Thị Vân Anh

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021027, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 9 năm 2010.

Tên giao dịch tiếng Anh: EDUCATION FINANCIAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt: EFI., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 04 là 134.257.000.000 đồng.

Sở Hữu vốn:

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ đông sáng lập	16.540.000.000	16.540.000.000
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	13.940.000.000	13.940.000.000
- Bà Lã Thị Vân Anh	1.350.000.000	1.350.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hồng Diệp	1.250.000.000	1.250.000.000
Cổ đông khác	117.717.000.000	117.717.000.000
<b>Tổng</b>	<b>134.257.000.000</b>	<b>134.257.000.000</b>

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: EFI.

Trụ sở chính của Công ty: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Dịch vụ tư vấn đầu tư thực hiện việc mua, bán doanh nghiệp;
- Tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp;
- Dịch vụ nghiên cứu phát triển thị trường;
- Xây dựng trường học các cấp;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư và quản lý dự án;
- Xây dựng cao ốc;
- Cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà;
- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ việc giảng dạy trong nhà trường và dịch vụ vệ sinh học đường;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh giấy;
- Tổ chức hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Xây dựng và kinh doanh các khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khách sạn, nhà hàng; Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke).

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2012 chủ yếu là: Dịch vụ quản lý tòa nhà cho Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, cho các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay vốn và đầu tư chứng khoán.

## **CÔNG TY CON**

Tên Công ty con : Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và khai thác Bất động sản EFI;  
Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng;  
Tỉ lệ kiểm soát : 100%;  
Ngành nghề : Dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sản giao dịch bất động sản; dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản, Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; khách sạn; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.  
Trụ sở : Số 81 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư 244/2009/TT - BTC của Bộ tài chính và các văn bản sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **Các thay đổi trong các chính sách kế toán**

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các kỳ kế toán trước.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Công cụ tài chính**

###### Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

###### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản nợ, các khoản vay.

###### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### **Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### **Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<b><u>Năm 2012</u></b> <b><u>(số năm)</u></b>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản CĐHH khác	05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là công ty mà Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ không còn được hợp nhất từ ngày Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty này.

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa công ty con và Công ty được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách của công ty con cũng có thể được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với chính sách kế toán của Công ty áp dụng.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết và liên doanh là khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 24 tháng.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Tuy nhiên theo tiêu chí về Báo cáo bộ phận, hoạt động kinh doanh của Công ty không đáp ứng đầy đủ các điều kiện về Báo cáo bộ phận nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	140.464.579	101.608.597
Tiền gửi ngân hàng	4.007.565.175	4.194.048.812
Các khoản tương đương tiền	32.500.000.000	19.500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>36.648.029.754</b>	<b>23.795.657.409</b>

**5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư chứng khoán	7.399.022.621	16.979.085.910
Cho vay vốn ngắn hạn	42.178.895.512	56.415.285.779
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(943.863.421)	(6.858.513.810)
<b>Tổng</b>	<b>48.634.054.712</b>	<b>66.535.857.879</b>

**Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn**

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển giáo dục Hà Nội (EID)	546.989	5.511.437.649	677.500	6.890.425.375
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh (STC)	-	-	258.300	3.195.404.460
Công ty Cổ phần Phát hành Sách & Thiết bị trường học Hưng Yên (HST)	148.400	1.498.840.000	239.000	2.413.900.000
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội (EBS)	-	-	132.000	1.025.323.525
Các loại cổ phiếu khác	-	388.744.972	-	3.454.032.550
<b>Tổng</b>		<b>7.399.022.621</b>		<b>16.979.085.910</b>

**Chi tiết cho vay vốn ngắn hạn**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Hải Trà	900.000.000	-
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	3.000.000.000	1.950.000.000
Công ty Cổ phần Tòa nhà CAVICO Việt Nam	27.650.895.512	19.701.785.779
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha	8.400.000.000	8.400.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Huy Tuấn Phát	-	16.000.000.000
Cho vay Hợp tác Đầu tư	-	8.363.500.000
Các cá nhân khác	228.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>42.178.895.512</b>	<b>56.415.285.779</b>

**5.3 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu ủy thác đầu tư	-	744.890.000
Phải thu hợp tác đầu tư (*)	8.363.500.000	-
Cổ tức phải thu	-	1.180.570.000
BHYT	12.452.142	-
BHTN	12.331.813	-
Dự án cầu giấy	75.000.000	-
Lãi cho vay vốn	222.033.125	-
Các khoản phải thu khác	196.597.222	88.637.377
<b>Tổng</b>	<b>8.881.914.302</b>	<b>2.014.097.377</b>

(\*) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết số 01/2012 EFI-HĐHT, số 02/2012 EFI-HĐHT; số 03/2012 EFI-HĐHT; số 04/2012 EFI-HĐHT ngày 23/4/2012 giữa các bên là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục, Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha và các cá nhân khác về đầu tư chứng khoán niêm yết, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 13 Mã cổ phiếu LIG .



**5.4 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	10.587.783
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	63.740.927	-
<b>Tổng</b>	<b>63.740.927</b>	<b>10.587.783</b>

**5.5 Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	5.000.000	1.000.000
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	40.000.000	40.000.000
<b>Tổng</b>	<b>45.000.000</b>	<b>41.000.000</b>

**5.6 Tài sản cố định hữu hình**

	<i>Đơn vị: VND</i>			
	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>TSCĐ hữu hình khác</b>	<b>Tổng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2012	587.034.280	152.646.783	13.244.500	752.925.563
Tăng trong kỳ	-	-	10.500.000	10.500.000
Tăng khác (Phân loại)	-	-	10.500.000	10.500.000
Giảm trong kỳ	-	10.500.000	-	10.500.000
Giảm khác (Phân loại)	-	10.500.000	-	10.500.000
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>587.034.280</b>	<b>142.146.783</b>	<b>23.744.500</b>	<b>752.925.563</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2012	281.287.248	107.502.929	9.712.643	398.502.820
Tăng trong kỳ	73.379.285	25.192.646	10.523.900	109.095.831
Khấu hao trong kỳ	73.379.285	25.192.646	7.898.900	106.470.831
Tăng khác (phân loại)	-	-	2.625.000	2.625.000
Giảm trong kỳ	-	2.625.000	-	2.625.000
Giảm khác (phân loại)	-	2.625.000	-	2.625.000
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>354.666.533</b>	<b>130.070.575</b>	<b>20.236.543</b>	<b>504.973.651</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2012	305.747.032	45.143.854	3.531.857	354.422.743
Tại 31/12/2012	232.367.747	12.076.208	3.507.957	247.951.912

Tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng đến 31/12/2012 là 67.482.705 đồng.

**5.7 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được phân ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

**5.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài của các lô đất Công ty đã mua nhằm mục đích chờ tăng giá để bán trong tương lai, bao gồm các địa điểm sau:

- Số 256-258 Phan Chu Trinh, thành phố Đà Nẵng
- Lô E5 Ven biển Quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
- Số 02, Khu tái định cư đường Nguyễn Văn Linh nối dài, phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>	-	<b>13.000.000.000</b>		<b>14.320.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam	-	13.000.000.000	-	14.320.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>520.000</b>	<b>17.450.000.000</b>	<b>525.000</b>	<b>17.500.000.000</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Công ty Sách Thiết bị Trường học Hà Tây	125.000	2.000.000.000	125.000	2.000.000.000
Viện Công nghệ Giáo dục	-	-	5.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Tòa nhà Cavico Việt Nam	-	11.500.000.000	-	11.500.000.000
<b>Tổng</b>		<b>30.450.000.000</b>		<b>31.820.000.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-	-	75.629.788
<b>Tổng cộng</b>	-	<b>30.450.000.000</b>	-	<b>31.744.370.212</b>

**5.10 Chi phí trả trước dài hạn**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	19.430.345	53.549.153
Tăng	54.327.272	12.090.909
Phân bổ vào chi phí	26.536.427	46.209.717
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>47.221.190</b>	<b>19.430.345</b>
	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>Chi tiết chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	47.221.190	19.430.345
<b>Tổng</b>	<b>47.221.190</b>	<b>19.430.345</b>

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	24.229.004	111.029.210
Thuế thu nhập doanh nghiệp	643.740.231	478.949.490
Thuế thu nhập cá nhân	46.237.478	71.290.314
<b>Tổng</b>	<b>714.206.713</b>	<b>661.269.014</b>

**5.12 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	67.397.594	47.352.276
Bảo hiểm xã hội	78.062.912	39.876.481
Bảo hiểm y tế	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	67.789.000	6.473.821.000
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>8.858.000</i>	<i>-</i>
<i>Lãi ủy thác đầu tư vào Công ty cổ phần IP</i>	<i>58.931.000</i>	<i>58.931.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn ĐTPT XD và Viễn thông</i> <i>(ủy thác đầu tư)</i>	<i>-</i>	<i>5.670.000.000</i>
<i>Ngạc Đình Ước (ủy thác Đầu tư)</i>	<i>-</i>	<i>744.890.000</i>
<b>Tổng</b>	<b>213.249.506</b>	<b>6.561.049.757</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**5.13 Vốn chủ sở hữu**

**a. Biến động của vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	<b>134.257.000.000</b>	<b>22.834.332.577</b>	<b>(2.549.028.525)</b>	<b>535.964.300</b>	<b>637.998.526</b>	-	<b>13.869.873.600</b>	<b>169.586.140.478</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	-	-	<b>(12.731.812.100)</b>	<b>527.165.290</b>	<b>527.165.290</b>	-	<b>11.261.596.510</b>	<b>(415.885.010)</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	11.261.596.510	11.261.596.510
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	527.165.290	527.165.290	-	-	1.054.330.580
Tăng khác (mua cổ phiếu quỹ)	-	-	(12.731.812.100)	-	-	-	-	(12.731.812.100)
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	-	-	-	-	-	<b>10.970.225.140</b>	<b>10.970.225.140</b>
PP LN vào các quỹ	-	-	-	-	-	-	2.403.268.140	2.403.268.140
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	8.566.957.000	8.566.957.000
<b>Số dư tại 30/6/2011</b>	<b>134.257.000.000</b>	<b>22.834.332.577</b>	<b>(15.280.840.625)</b>	<b>1.063.129.590</b>	<b>1.165.163.816</b>	-	<b>14.161.244.970</b>	<b>158.200.030.328</b>
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b>134.257.000.000</b>	<b>22.834.332.577</b>	<b>(15.280.840.625)</b>	<b>1.063.129.590</b>	<b>1.165.163.816</b>	-	<b>14.161.244.970</b>	<b>158.200.030.328</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	-	-	<b>(2.521.838.875)</b>	<b>563.079.826</b>	<b>563.079.826</b>	<b>895.580.417</b>	<b>11.741.079.916</b>	<b>11.240.981.110</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	563.079.826	563.079.826	317.728.175	-	1.443.887.827
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	11.705.376.558	11.705.376.558
Tăng khác	-	-	-	-	-	8.138.889	-	8.138.889
Tăng (chi mua cổ phiếu quỹ)	-	-	(2.521.838.875)	-	-	-	-	(2.521.838.875)
Tạm trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	569.713.353	-	569.713.353
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	35.703.358	35.703.358
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	-	-	-	-	<b>379.933.325</b>	<b>13.637.079.754</b>	<b>14.017.013.079</b>
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	1.711.762.048	1.711.762.048
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	10.785.891.000	10.785.891.000
Chi thưởng, chi quỹ khác	-	-	-	-	-	291.233.325	-	291.233.325
Chi thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	88.700.000	-	88.700.000
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2012	-	-	-	-	-	-	569.713.353	569.713.353
Tạm trích quỹ thưởng Ban điều hành 2012	-	-	-	-	-	-	569.713.353	569.713.353
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>134.257.000.000</b>	<b>22.834.332.577</b>	<b>(17.802.679.500)</b>	<b>1.626.209.416</b>	<b>1.728.243.642</b>	<b>515.647.092</b>	<b>12.265.245.132</b>	<b>155.423.998.359</b>

**5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2012**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ đông sáng lập	16.540.000.000	16.540.000.000
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	13.940.000.000	13.940.000.000
- Bà Lê Thị Vân Anh	1.350.000.000	1.350.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	1.250.000.000	1.250.000.000
Cổ đông khác	117.717.000.000	117.717.000.000
<b>Tổng</b>	<b>134.257.000.000</b>	<b>134.257.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	134.257.000.000	134.257.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	134.257.000.000	134.257.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>10.785.891.000</b>	<b>8.566.957.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>13.425.700</b>	<b>13.425.700</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>13.425.700</b>	<b>13.425.700</b>
Cổ phiếu phổ thông	13.425.700	13.425.700
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>2.683.700</b>	<b>2.220.800</b>
Cổ phiếu phổ thông	2.683.700	2.220.800
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>10.742.000</b>	<b>11.204.900</b>
Cổ phiếu phổ thông	10.742.000	11.204.900
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.14 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng	-	16.162.727.273
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.548.976.009	8.401.972.273
<b>Tổng</b>	<b>10.548.976.009</b>	<b>24.564.699.546</b>

**5.15 Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	15.140.864.909
Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.741.020.883	3.860.791.226
<b>Tổng</b>	<b>8.741.020.883</b>	<b>19.001.656.135</b>

**5.16 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.311.184.213	16.426.127.474
Lãi đầu tư cổ phiếu	1.452.929.776	303.770.989
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.225.044.600	3.158.046.466
Doanh thu hoạt động tài chính khác	11.378.656	-
Phí cam kết mua cổ phần, phí ủy thác đầu tư	-	2.500.038
<b>Tổng</b>	<b>14.000.537.245</b>	<b>19.890.444.967</b>

**5.17 Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	305.556	9.000.000
Lỗ đầu tư cổ phiếu	2.934.580.844	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	2.173.959.241
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	(5.943.110.757)	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	493.925	6.752.019.914
<b>Tổng</b>	<b>(3.007.730.432)</b>	<b>8.934.979.155</b>

**5.18 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>-</b>	<b>300.000.000</b>
Thu nhập khác (tiền đền bù do vi phạm hợp đồng)	-	300.000.000
<b>Chi phí khác</b>	<b>568.864.639</b>	<b>-</b>
Chi phí khác	568.864.639	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động khác</b>	<b>(568.864.639)</b>	<b>300.000.000</b>

**5.19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>15.388.142.090</b>	<b>14.010.384.335</b>
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	568.864.639	-
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (lãi liên doanh liên kết, nhận cổ tức)	1.225.944.600	3.150.746.466
<b>Lợi nhuận tính thuế</b>	<b>14.731.062.129</b>	<b>10.859.637.869</b>
Lợi nhuận kinh doanh bất động sản	-	1.021.862.364
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	<b>14.731.062.129</b>	9.837.775.505
Thuế suất áp dụng	25%	25%
<b>Thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>3.682.765.532</b>	<b>2.748.787.825</b>

**5.20 Lãi trên cổ phiếu**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>11.705.376.558</b>	<b>11.261.596.510</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>11.705.376.558</b>	<b>11.261.596.510</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	10.748.747	12.710.887
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.089</b>	<b>886</b>

**5.21 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	129.341.012	222.390.665
Chi phí nhân công	5.434.792.395	3.144.134.353
Chi phí khấu hao tài sản cố định	184.346.196	137.646.618
Thuế phí và lệ phí	289.129.710	13.926.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.487.548.321	2.190.879.560
Chi phí khác bằng tiền	1.075.079.323	959.938.018
<b>Tổng</b>	<b>11.600.236.957</b>	<b>6.668.916.114</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

*Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và Cổ đông*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2012 VND</b>	<b>Năm 2011 VND</b>
Hội đồng Quản trị	Thù lao Hội đồng Quản trị	255.253.328	268.760.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành	Lương cho thành viên HĐQT và Ban điều hành	1.470.737.640	913.879.625

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Năm 2012 VND</b>	<b>Năm 2011 VND</b>
<b><u>Cung cấp dịch vụ</u></b>	<b>7.278.872.546</b>	<b>8.331.972.273</b>
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.579.236.682	8.331.972.273
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Phương Nam	75.052.533	-
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	92.888.889	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	531.694.442	-
<b><u>Cho vay vốn</u></b>	<b>8.999.109.733</b>	<b>6.500.000.000</b>
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.050.000.000	4.500.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Tòa nhà Cavico Việt Nam	7.949.109.733	-

*Phải thu về gốc vay, lãi vay, và tiền cung cấp dịch vụ*

<b>Bên liên quan</b>	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>01/01/2012 VND</b>
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	5.287.022.506	6.098.310.305
Công ty Cổ phần sách TB Giáo dục tại Hà Nội	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Đà Nẵng	-	54.705.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	2.370.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.000.000.000	2.035.305.577
Công ty Cổ phần Tòa nhà CAVICO Việt Nam	29.524.799.999	19.701.785.779
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha	8.679.066.666	8.400.000.000
<b>Tổng</b>	<b>45.490.889.171</b>	<b>38.660.107.161</b>



### 6.3 Công cụ tài chính

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

#### Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.648.029.754	23.795.657.409
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.403.913.316	14.970.187.629
Đầu tư ngắn hạn	48.634.054.712	66.535.857.879
Đầu tư dài hạn	17.450.000.000	17.500.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>117.135.997.782</b>	<b>122.801.702.917</b>

  

Công nợ tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Phải trả khách hàng và phải trả khác	666.180.938	6.561.375.057
Chi phí phải trả	-	183.950.000
<b>Tổng Cộng</b>	<b>666.180.938</b>	<b>6.745.325.057</b>

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính tùy nhiên Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

##### *Quản lý rủi ro tỷ giá*

Việc phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ của Công ty là không đáng kể, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

##### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty không phát sinh các khoản vay chịu lãi suất, do đó, không có rủi ro lãi suất

##### *Rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Công ty có một số khoản đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Giáo dục Hà Nội mã cổ phiếu (EID) 546.989 cổ phiếu, Công ty Cổ phần Phát hành Sách & Thiết bị trường học Hưng Yên mã cổ phiếu (HST) 148.400 cổ phiếu tổng trị giá 7.010.277.649 đồng và một số cổ phiếu khác, hiện tại đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, đã được trích lập dự phòng với giá trị 943.863.421 đồng. Ngoài ra, Công ty có các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không

phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có khoản rủi ro không đáng kể với các khách hàng hoặc đối tác và đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

<b>31/12/2012</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Phải thu khách hàng và phải thu khác</b>	<b>45.490.889.171</b>	<b>17.450.000.000</b>	<b>62.940.889.171</b>
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	5.287.022.506	-	5.287.022.506
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Tòa nhà Cavico Việt Nam	29.524.799.999	-	29.524.799.999
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha	8.679.066.666	-	8.679.066.666
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	-	350.000.000	350.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	-	350.000.000	350.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	750.000.000	750.000.000
Công ty Sách Thiết bị Trường học Hà Tây	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Tòa nhà Cavico Việt Nam	-	11.500.000.000	11.500.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a – DN/HN

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Phải thu khách hàng và phải thu khác</b>	<b>36.235.401.661</b>	<b>17.500.000.000</b>	<b>53.735.401.661</b>
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.098.310.305	-	6.098.310.305
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.035.305.577	-	2.035.305.577
Công ty Cổ phần Tòa nhà Cavico Việt Nam	19.701.785.779	-	19.701.785.779
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha	8.400.000.000	-	8.400.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	-	350.000.000	350.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	-	350.000.000	350.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	750.000.000	750.000.000
Công ty Sách Thiết bị Trường học Hà Tây	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Viện Công nghệ Giáo dục	-	50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Tòa nhà Cavico Việt Nam	-	11.500.000.000	11.500.000.000

**6.4 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**Lập biểu**

**Kế toán trưởng**

*Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2013*  
**Giám đốc**

**Bùi Văn Dũng**

**Bùi Văn Dũng**

**Lã Thị Vân Anh**